

Bản án số: 171/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-02-2024

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Tốt
- Ông Nguyễn Văn Quân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Kim Bình, Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1042/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1958 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Nhà không số (A), Tổ B, Khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Nhà không số (A), Tổ B, Khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 9 năm 2023, bản tự khai và tại các biên bản của Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Kim N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2011, đăng ký kết hôn vào ngày 07/6/2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63/2012, quyển số 01/2012, ngày 07/6/2012, tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Hai bên chung sống bình thường đến khoảng năm 2017 thì bà N bắt đầu cờ bạc, gây nợ nần, không chăm lo cho gia đình. Ông và gia đình đã nhiều lần

khuyến can nhưng bà **N** vẫn không thay đổi mà bỏ đi khỏi nhà từ đó. Đến khoảng năm 2019, bà **N** có quay về nhà sống chung, nhưng đến đầu năm 2022 thì lại bỏ ra ngoài sống cho đến nay. Ông và bà **N** đã không còn tình cảm, không còn chung sống với nhau từ lâu. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, hai bên thực tế không còn sống chung, nên ông **T** yêu cầu ly hôn với bà **N**.

Về con chung: Ông **T** xác định ông và bà **N** có 01 (một) con chung là **Nguyễn Thảo T1**, sinh ngày 12/01/2012. Khi ly hôn, ông **T** đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ **Nguyễn Thảo T1**, tự nguyện không yêu cầu bà **N** phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Trong đơn khởi kiện ngày 21/9/2023, ông **T** có yêu cầu tòa công nhận căn nhà tại địa chỉ **A, đường T, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh** là tài sản riêng của ông **T**. Tuy nhiên, đến ngày 05 tháng 01 năm 2024, ông **T** có Đơn xin rút yêu cầu này. Đến trước thời điểm có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông **T** xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung.

Bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim N** đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời, đề nghị Tòa đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Mạnh T** về việc yêu cầu Tòa công nhận căn nhà tại địa chỉ **A, đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** là tài sản riêng của ông **T**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông **Nguyễn Mạnh T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà **Nguyễn Thị Kim N** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa xét xử vụ án vắng mặt ông **T**, bà **N**.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông **Nguyễn Mạnh T** và bà **Nguyễn Thị Kim N** chung sống với nhau từ năm 2011, đã đăng ký kết hôn vào năm 2012, vì vậy căn cứ vào các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa cần xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N hiện đang cư trú tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Theo ông T trình bày thì: Ông và bà Nguyễn Thị Kim N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2011, đăng ký kết hôn vào ngày 07/6/2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63/2012, quyền số 01/2012, ngày 07/6/2012, tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Hai bên chung sống bình thường đến khoảng năm 2017 thì bà N bắt đầu cờ bạc, gây nợ nần, không chăm lo cho gia đình. Ông và gia đình đã nhiều lần khuyên can nhưng bà N vẫn không thay đổi mà bỏ đi khỏi nhà từ đó. Đến khoảng năm 2019, bà N có quay về nhà sống chung, nhưng đến đầu năm 2022 thì lại bỏ ra ngoài sống cho đến nay. Ông và bà N đã không còn tình cảm, không còn chung sống với nhau từ lâu. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, hai bên thực tế không còn sống chung, nên ông T yêu cầu ly hôn với bà N.

Căn cứ trả lời Công văn số 2378/TAQ12 ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân Quận 12, Ủy ban nhân dân phường T, Quận A có ghi nhận nội dung: “...Vấn đề ông Nguyễn Mạnh T và bà Nguyễn Thị Kim N Ủy ban nhân dân phường T không nắm rõ vấn đề mâu thuẫn, do ông T, bà N không xác định có cùng chung sống tại địa phương hay không và không có đơn hoà giải tại khu phố”. Theo trả lời Công văn số 1630/TAQ12 ngày 08/11/2023 của Tòa án nhân dân Quận 12, Công an phường T, Quận A ghi nhận nội dung: “Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1977 có đăng ký tạm trú và thực tế cư trú tại nhà không số (A), Tổ B, Khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 21/4/2023 đến nay”. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà N, nhưng bà N không đến tòa để có thể trình bày ý kiến, hoặc có thể hoà giải với ông T. Tình tiết này kết hợp với các tình tiết đã xác minh như đã nêu trên chứng tỏ bà N không quan tâm gì đến quan hệ hôn nhân và hạnh phúc gia đình. Hai bên không có hành động gì để liên lạc, gặp gỡ để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Có thể thấy, quan hệ tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh T, tuyên cho ông T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim N.

Về con chung: Ông T xác định ông và bà N có 01 (một) con chung là Nguyễn Thảo T1, sinh ngày 12/01/2012. Khi ly hôn, ông T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Thảo T1, tự nguyện không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Bà **N** hiện không ở chung nhà với ông **T** và trẻ **T1** hiện đang ở cùng ông **T**, do ông **T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tại bản khai ngày 08/01/2024, trẻ **T1** cũng có nguyện vọng được ở cùng với ba. Do đó, đề nghị này của ông **T** là phù hợp với thực tế về việc cư trú của trẻ và điều kiện về thu nhập hiện tại của ông **T**. Vì vậy, cần giao ông **T** được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ **Nguyễn Thảo T1**, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của bà **N** đối với trẻ **T1** cho đến khi ông **T** có yêu cầu.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Trong đơn khởi kiện ngày 21/9/2023, ông **T** có yêu cầu tòa công nhận căn nhà tại địa chỉ **A, đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** là tài sản riêng của ông **T**. Tuy nhiên, đến ngày 05 tháng 01 năm 2024, ông **T** có Đơn xin rút yêu cầu này. Vì vậy, tòa đình chỉ giải quyết yêu cầu này của ông **T**.

Cho đến thời điểm có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, ông **T** và bà **N** không có yêu cầu tòa giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung, nên không xét.

[4] Ông **Nguyễn Mạnh T** là người cao tuổi, có đơn đề nghị được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí, nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông **T** được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Nguyễn Thị Kim N** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 266, 267 và 275 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Mạnh T**, tuyên cho ông **Nguyễn Mạnh T** được ly hôn với bà **Nguyễn Thị Kim N**.

2. Về con chung: Ông **T** và bà **N** có 01 (một) con chung là **Nguyễn Thảo T1**, sinh ngày 12/01/2012. Sau ly hôn, giao ông **T** được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ **Nguyễn Thảo T1**, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của bà **Nguyễn Thị Kim N** đối với trẻ **T1** cho đến khi ông **T** có yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con; không bên nào có quyền ngăn cản

việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Khi cần thiết, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung:

3.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh T về việc yêu cầu Tòa công nhận căn nhà tại địa chỉ A, đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của ông T.

3.2. Ông T không yêu cầu tòa giải quyết và bà N cũng không có đơn yêu cầu tòa giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung, nên không xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Mạnh T được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Kim N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 63/2012, quyển số 01/2012, ngày 07/6/2012, do Ủy ban nhân dân phường T, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh, cấp cho ông Nguyễn Mạnh T và bà Nguyễn Thị Kim N không còn hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.12;
- Chi cục THADS Q.12;
- UBND phường Tam Bình, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Sơn